TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2025
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang;
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Y - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 31/10/2024 của nguyên đơn chị Thị Y trình bày: Chị Thị Y xác định chị và anh Nguyễn Văn T có tìm hiểu nhau trước được một thời gian nên đến năm 2002 anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 20 năm thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vả và chồng chị có người phụ nữ khác bên ngoài nên anh chị đã ly thân cách nay trên 6 tháng. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chồng chị là Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L - sinh ngày 21/5/2003, Nguyễn Thị Trúc H - sinh ngày 04/4/2006 và Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008, hiện nay cháu L và cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu N đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với chồng chị là Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L - sinh ngày 21/5/2003, Nguyễn Thị Trúc H - sinh ngày 04/4/2006 và Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008, hiện nay cháu L và cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu N đang sống với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thị Y và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đồng thời, cháu N cũng có

nguyện vọng muốn sống với chị Y. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thị Y và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Thị Y là nguyên đơn và ông Nguyễn Văn T là bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh T được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điêu 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y và anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Y xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn T vào năm 2002, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá chung sống anh chị cũng không có đăng ký kết hôn, do anh chị không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. Mặc khác, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Thị Y và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Thị Y và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị Y cho rằng do vợ chồng chị không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vả và anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên anh chị đã ly thân cách nay trên 6 tháng. Do đó, ngày 19/12/2024 và ngày 09/01/2025 Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau trên 6 tháng và chị Y cũng tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và yêu thương anh T nữa nên cương quyết xin ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều

53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận nhận quan hệ giữa chị Thị Y và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Đối với anh Nguyễn Văn T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh. Từ đó, cho thấy anh T đã biết được nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Thị Y xác định chị và anh Nguyễn Văn T có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L - sinh ngày 21/5/2003, Nguyễn Thị Trúc H - sinh ngày 04/4/2006 và Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008, hiện nay cháu L và cháu H đã trưởng thành nên chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu N đang sống với chị Y nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con của chị Y thì thấy rằng từ khi chị Y và anh T đã ly thân cách nay trên 6 tháng thì một mình chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Đồng thời, cháu N cũng phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Do đó, giao cháu Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008 cho chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Y xác định chị và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị Y phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010016, ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Thị Y và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Hào N - sinh ngày 26/10/2008 cho chị Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng muốn sống với chị Y.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết, anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị Y phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010016, ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 26/02/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh